TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26-6-2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Yến T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Tấn B, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Yến T trình bày:

Bà T và ông B xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An ngày 19/7/2023. Sau đó, vợ chồng sinh sống tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình trạng mâu thuẫn kéo dài và ngày một trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2025 vì không còn tình cảm và không có tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục duy trì được nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Quá

trình chung sống vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Tấn B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dânT, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 19/7/2023 nên là hôn nhân hợp pháp, bà T yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T cho rằng giữa bà và ông B chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2025 đến nay, hiện tại mỗi người một cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau nên khả năng hàn gắn không còn.

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng sau khi thụ lý vụ án cũng đã tiến hành mời các đương sự đến hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, bà T cương quyết ly hôn còn ông B không đến Tòa án thể hiện ý kiến, không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bỏ mặc kết quả giải quyết.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông B đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày vợ chồng bà chưa có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Yến T về việc "Ly hôn".

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Yến T được ly hôn với ông Lê Tấn B.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Yến T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002264 ngày 10/4/2025 sang tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Yến Linh